

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**  
**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó ; Nội dung không đúng thì để trống )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Liên ngành Hóa học – Công nghệ thực phẩm**

Chuyên ngành: **Hóa Môi trường**

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ và tên người đăng ký:** TRỊNH THỊ THẨM

**2. Ngày tháng năm sinh:** 22/04/1982; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

**3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

**4. Quê quán:** Xã Hoàng Quý, Huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** Căn hộ B1114 – Chung cư Athena Complex, Tổ dân phố số 3 – Hòe Thị, P. Phương Canh, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**6. Địa chỉ liên hệ:** Trịnh Thị Thẩm, Giảng viên Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, số 41A, đường Phú Diễn, P. Phú Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại di động: 0983307385

E-mail: tttham@hunre.edu.vn

**7. Quá trình công tác:**

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

Từ tháng, năm: 6/2004 đến tháng, năm: 6/2005: Nghiên cứu viên, Trung tâm Công nghệ Môi trường và Phát triển Bền Vững (CETASD), Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - VNU

Từ tháng, năm: 8/2007 đến tháng, năm: 9/2009: Giảng dạy, Giảng viên thỉnh giảng, Khoa Môi trường, Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Từ tháng, năm: 9/2009 đến tháng, năm: 11/2010, Giảng dạy, Giảng viên hợp đồng, Khoa Môi trường, Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Từ tháng, năm: 11/2010 đến tháng, năm: 9/2013, Giảng dạy, Giảng viên, Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Từ tháng, năm: 9/2013 đến tháng, năm: 11/2020, Giảng dạy và quản lý, Giảng viên và Tổ phó Tổ quản lý Phòng thí nghiệm Môi trường, Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Từ tháng, năm: 11/2020 đến tháng, năm: 11/2021, Giảng dạy và quản lý, Giảng viên chính và Tổ phó Tổ quản lý Phòng thí nghiệm Môi trường, Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Từ tháng, năm: 11/2021 đến tháng, năm: đến nay, Giảng dạy, Giảng viên chính, Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên chính; Chức vụ cao nhất đã qua: Tổ phó Tổ Quản lý Phòng thí nghiệm Môi trường

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 41A, Đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 37645800/ Ext.502; Email: khoamt@hunre.edu.vn

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

**8. Đã nghỉ hưu:** từ tháng .... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

**9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 6 năm 2004; số văn bằng: QC 004132; ngành: Sư phạm hóa học, chuyên ngành: Hóa học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

- Được cấp bằng ĐH ngày 29 tháng 11 năm 2021; số văn bằng: QC 166291; ngành: Tiếng Anh, chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 01 tháng 3 năm 2007; số văn bằng: QM 04045; ngành:Hóa học; chuyên ngành: Hóa hữu cơ; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 27 tháng 12 năm 2017; số văn bằng: QT 001539; ngành:Hóa học; chuyên ngành: Hóa hữu cơ; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS** ngày ... tháng ... năm ..., ngành:...

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: PHÓ GIÁO SƯ** tại **HĐGS cơ sở:** Học viện Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: PHÓ GIÁO SƯ** tại **HĐGS ngành**, liên ngành: Hóa học – Công nghệ thực phẩm

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

i) Nghiên cứu phát triển phương pháp và đánh giá mức độ tồn lưu các hợp chất ô nhiễm khó phân hủy;

ii) Nghiên cứu đánh giá rủi ro các hóa chất độc hại đối với môi trường và sức khỏe con người

**14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (02 học viên đang chuẩn bị bảo vệ vào tháng 07/2022);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

+ Chủ nhiệm 02 đề tài cấp cơ sở (Cấp Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội);

+ Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Thư ký Khoa học 02 đề tài cấp Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Thư ký Khoa học 01 đề tài NAFOSTED;

+ Tham gia thành viên chính 03 Đề tài cấp Bộ Tài nguyên và Môi trường, trong đó có 01 đề tài đã hoàn thành và 02 đề tài đang thực hiện.

- Đã công bố 43 bài báo khoa học, trong đó 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã được cấp: 0 (không có) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín (Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật) và 01 giáo trình đã được đưa vào giảng dạy trình độ Thạc sỹ;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

**15. Khen thưởng:** Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở 2012, 2013, 2018, 2020 và 2021; Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2013 và 2021

**16. Kỷ luật:** Không có

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

#### ***- Tham gia Hoạt động nghiên cứu khoa học:***

Ứng viên đã hoàn thành 03 đề tài NCKH với vai trò là chủ nhiệm đề tài, trong đó có 02 đề tài cấp cơ sở và 01 đề tài cấp Bộ. Ngoài ra, ứng viên tham gia với vai trò là thư ký khoa học của 02 đề tài cấp Bộ Tài nguyên và Môi trường và 01 đề tài Nafosted. Ứng viên cũng là thành viên chính của 01 đề tài cấp Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nghiệm thu năm 2020 và 02 đề tài cấp Bộ đang thực hiện.

Ứng viên đã công bố 43 bài báo khoa học đăng tải trên tạp chí quốc tế và trong nước, trong đó có 10 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín, 21 bài báo do ứng viên làm tác giả chính (04 bài được công bố trong tạp chí Khoa học quốc tế có uy tín). Ứng viên tham gia biên soạn 01 sách chuyên khảo xuất bản tại Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

Ngoài ra, tính từ năm học 2016 – 2017 đến nay, ứng viên đã hướng dẫn 07 nhóm NCKH sinh viên, trong đó có 02 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học đạt loại xuất sắc (trong đó có 1 nhóm được giải nhất nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2020 và 01 nhóm đạt giải nhì NCKH cấp trường năm 2021, 02 nhóm NCKH sinh viên tham gia Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học Euréka và 01 nhóm đạt giải khuyến khích năm 2020).

#### ***- Tham gia giảng dạy chương trình đại học***

Ứng viên tham gia giảng dạy tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (trước 08/2010 là trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường Hà Nội) từ năm 2007, các học phần đã tham gia giảng dạy hệ đại học bao gồm: Hóa phân tích; Các phương pháp xử lý mẫu và phân tích môi trường, Quản lý Phòng thí nghiệm và kiểm soát an toàn hóa chất, Quan trắc và phân tích môi trường 2, Hóa kỹ thuật môi trường;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Quan trắc và phân tích môi trường không khí, đất; Kiểm soát môi trường doanh nghiệp, Thực tập quan trắc và phân tích môi trường, Thực tập đánh giá chất lượng môi trường

Tính từ năm học 2016 – 2017 đến nay, ứng viên đã hoàn thành hướng dẫn 20 đề án tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên các ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường và ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường

**- Tham gia giảng dạy chương trình thạc sỹ**

Tham gia giảng dạy học phần: Quản lý hóa chất độc hại, Đánh giá rủi ro môi trường, Phương pháp bố trí thí nghiệm và xử lý số liệu, Phương pháp nghiên cứu khoa học môi trường cho học viên cao học ngành Khoa học môi trường và ngành Quản lý tài nguyên và Môi trường.

Hướng dẫn hoàn thành hướng dẫn 03 Học viên cao học ngành Khoa học môi trường; ngành Quản lý tài nguyên và Môi trường và 02 học viên đang chuẩn bị bảo vệ vào tháng 07/2022.

**2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:**

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 10 năm 05 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017	0	0		4	120	0	120/230,76/107,1
2	2017-2018	0	0		4	362	0	362/495,66/229,5
3	2018-2019	0	0		6	244	15	259/410,3/229,5
03 năm học cuối								
4	2019-2020	0	0	1	3	190	67,5	257,5/353,7/229,5
5	2020-2021	0	0	2	1	190	40	230/287,5/239,2
6	2021-2022	0	0	2	2	182	57	239/300,3/285

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn:  ThS hoặc  luận án TS hoặc  TSKH; tại nước: ...năm...

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Tiếng Anh số bằng: QC166291; năm cấp: 2021

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải:

- Chứng chỉ Bồi dưỡng kiến thức Tiếng Anh chuyên ngành Môi trường

- Các chứng nhận đào tạo ngắn hạn ở Trung Quốc, Philipinne, Thái Lan

#### 3.2. Tiếng Anh: Bằng Đại học

#### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Chu Vũ Hải		x		x	6/2019-3/2020	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Ngày cấp bằng: 23/7/2020 QĐ số 2609/QĐ-TĐHHN ngày 20/7/2020
2	Nguyễn Tiến Đông		x	x		3/2020 – 7/2021	Trường Đại học Tài	Ngày cấp bằng: 15/02//2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
							nguyên và Môi trường Hà Nội	QĐ số 272/QĐ-TĐHHN, 25/1/2022
3	Kiều Cao Tiến		x	x		11/2020 – 1/2022	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Ngày cấp bằng: 15/4/2022 QĐ số 1057/QĐ-TĐHHN, 30/3/2022

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

**5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:**

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>I Trước khi được công nhận PGS/TS</b>							
1	Kiểm soát và đánh giá chất lượng môi trường	GT	2016 (Giáo trình nội bộ cho giảng dạy Cao học)	5	Mai Văn Tiên	Chương 2 (Trang 76-106) Chương 3 (Trang 150 – 165)	QĐ số 800/QĐ-TĐHHN, ngày 14/3/2017
2	Thẩm định phương pháp phân tích một số hợp chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trong mẫu trầm tích	CK	Khoa học và Kỹ thuật, 2017	3	Lê Thị Trinh	Chương 3 (Trang 77 – 123) Phần phụ lục (Trang 149 – 179)	QĐ số 3621/QĐ-TĐHHN, ngày 13/10/2017
<b>II Sau khi được công nhận PGS/TS</b>							
1							

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS:

**Lưu ý:**

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>I Trước khi được công nhận TS</b>					
1	Nghiên cứu, đánh giá hàm lượng các chất hữu cơ khó phân hủy độc hại tồn lưu trong nước, trầm tích tại một số cửa sông ven biển tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng	TK	Mã số: TNMT.04.46/10-15 Bộ Tài nguyên và Môi trường	05/2013-6/2015	Nghiệm thu ngày: 30/12/2015 Xếp loại: Đạt
2	Nghiên cứu ảnh hưởng của hiện tượng nghịch nhiệt đến chất lượng môi trường không khí tại Thủ đô Hà Nội và một số tỉnh lân cận	TK	TNMT.2016.04.11 Bộ Tài nguyên và Môi trường	7/2016-12/2018	Nghiệm thu ngày: 27/12/2018 Xếp loại: Đạt
3	Nghiên cứu xây dựng quy trình xác định PBDEs trong động vật nhuyễn thể và áp dụng thí điểm để đánh giá sự tích lũy PBDEs trong môi trường tại làng nghề tái chế nhựa Minh Khai, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	CN	13.01.17.K.01 Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	5/2017 – 5/2018	Nghiệm thu ngày 03/05/2018 Xếp loại: Xuất sắc
<b>II Sau khi được công nhận TS</b>					



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
4	Đánh giá lịch sử ô nhiễm, xu hướng tích lũy và rủi ro sinh thái của một số nhóm chất halogen hữu cơ khó phân hủy tại khu vực ven biển miền trung Việt Nam	TK	104.04-2017.310 Nafosted	8/2018- 8/2020	Nghiệm thu ngày 12/9/2020 Xếp loại: Đạt
5	Nghiên cứu đánh giá rủi ro sinh thái một số hợp chất hữu cơ khó phân hủy tại Sông Hồng đoạn chảy từ địa phận thành phố Hà Nội đến tỉnh Nam Định	CN	13.01.20.K.08 Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	03/2020- 12/2020	Nghiệm thu ngày: 18/11/2020 Xếp loại: Xuất sắc
6	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật đồng vị để xác định nguồn gốc, phân bố nitơ trong môi trường nước dưới đất tại một số vùng thuộc đồng bằng Sông Hồng (Hà Nội, Hà Nam, Nam Định)	CN	TNMT2018.02.15 Bộ Tài nguyên và Môi trường	2/2018 – 6/2021	Nghiệm thu ngày: 10/9/2021 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

## 7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố:

### 7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
<b>I Trước khi được công nhận TS</b>								
1	Xác định hàm lượng các ankyphenol và Bisphenol A trong nước	2		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý, Sinh			T11, Số 3B,	2006

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	bằng phương pháp vi chiết pha rắn kết hợp sắc ký khí			học (ISSN 0868 - 3224)			Trang 30-36	
2	Nghiên cứu phương pháp chiết siêu âm để xác định hàm lượng cơ phốt pho trong đất bằng phương pháp sắc ký khí với đầu dò bắt điện tử	4		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học (ISSN 0868 - 3224)			T15, số 3, Trang 249-254	2010
3	Mô phỏng sự cố tràn dầu của tàu hút bùn khi tiến hành nạo vét khơi thông luồng hàng hải khu kinh tế Vân Phong	2		Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường - Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (ISSN: 0866-7608)			Số 4, Trang 34-40	4/2014
4	Distribution, accumulation profile, and risk assessment of polybrominated diphenyl ether in sediment from lake and river systems in Hanoi Metropolitan Area, Vietnam.	14		Environmental Science and Pollution Research (ISSN: 0944-1344 – Print; 1614-7499 - Online)	Scopus, SCIE (IF = 4.223, Q1 )	9	25 (8), pp. 7170-7179	08/2015 (Issue Date: 23 March 2018)
5	Đánh giá hàm lượng của một số thuốc trừ sâu cơ clo trong nước và trầm tích tại cửa sông Hàn, Đà Nẵng	3		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý, Sinh học (ISSN 0868 - 3224)			T 20, số 4, Trang 128 - 134	2015
6	Đánh giá mức độ tích lũy của các chất polyclo biphenyl trong nước và trầm tích tại Cửa Đại, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	3		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý, Sinh học (ISSN 0868 - 3224)			T 20, số 4 Trang 143 - 151	2015
7	Đánh giá mức độ tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật tại kho thuốc xã Đồng Văn,	3	x	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường - Đại học Tài			Số 8, Trang 60 - 67	6/2015

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An			nguyên và Môi trường Hà Nội (ISSN: 0866-7608)				
8	Distribution and depth profiles of Polychlorinated dibenzo-p-dioxins, polychlorinated dibenzofurans and polychlorinated biphenyls in sediment collected from offshore waters of Central Vietnam	11		Marine Pollution Bulletin 5/2016, 106 (1-2), pp. 341-346 (ISSN 0025-326X)	ISI (IF = 5.553, Q1)	11	Vol 106, Issues 1-2, pp. 341-346	5/2016
9	Mức độ ô nhiễm và sự phân bố của một số hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ trong trầm tích tại vùng biển ngoài khơi từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên – Huế, Việt Nam	7	x	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ (ISSN 0866-8612)			T 32, số 3, Trang 6-11	9/2016
10	Đánh giá mức độ và phân vùng ô nhiễm dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trong đất tại xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	2		Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ (ISSN 0866-8612)			T 32, số 3, Trang 169-175	9/2016
11	Đánh giá mức độ ô nhiễm của các chất Polyclobiphenyl (PCBs) trong trầm tích tại vùng biển ngoài khơi từ Nghệ An đến Thừa Thiên – Huế, Việt Nam	8	x	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ (ISSN 0866-8612)			T 32, số 3, Trang 240-244	9/2016
12	Đánh giá mức độ tồn lưu Polyclo Biphenyl trong nước và trầm tích tại cửa Sông Hàn, Thành phố Đà Nẵng	5	x	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công			T 32, số 4, Trang 1-6	9/2016

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				nghệ (ISSN 0866-8612)				
13	Đánh giá sự tích lũy sinh học của hóa chất bảo vệ thực vật họ clo hữu cơ trong một số loài nhuyễn thể hai mảnh vỏ tại vùng ven biển miền Trung	4	x	Tạp chí Hóa học (ISSN 0866-7144)			2e55, Trang 16-21	4/2017
14	Nghiên cứu mối tương quan giữa hiện tượng nghịch nhiệt và sức khỏe nhóm người cao tuổi tại Hà Nội	4		Tạp chí Môi trường (ISSN: 2615-9597/1859/042X)			Số Chuyên đề II, Trang 55- 60	6/2017
15	Nghiên cứu mức độ tồn lưu và phạm vi ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật họ clo tại khu vực kho thuốc xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	2		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn (ISSN 1859-4581)			Số 20, Trang 86 – 92	10//2017
16	Nghiên cứu đánh giá xu hướng tích lũy thuốc trừ sâu họ clo hữu cơ và polychlorinated biphenyls trong trầm tích cột tại Cửa Hội, sông Lam, tỉnh Nghệ An	4		Tạp chí Hóa học (ISSN 0866-7144)			Số 55 (5E34), Trang 52 - 57	10/2017
<b>II Sau khi được công nhận TS</b>								
17	Đánh giá mức độ phân bố và tích lũy của polybrom diphenyl ete trong trầm tích tại làng nghề tái chế nhựa Minh Khai, thị trấn Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên	4	x	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Các Khoa học Trái đất và Môi trường (ISSN 2615-9279; e-ISSN 2588-1094)			Tập 34, số 2, Trang 51-58	4/2018
18	Risk assessment of Lead and Cadmium on Juveniles of Cyprinus carpio in laboratory scale	6		Vietnam journal of science, technology and engineering			Vol 60, No 2, pp 78- 83,	6/2018

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				(ISSN 2525-2461)				
19	Đánh giá mức độ tích lũy của các chất polyclo biphenyl (PCBs) và Polybrom diphenyl ete (PBDEs) trong trầm tích mặt tại cửa sông Nhật Lệ, tỉnh Quảng Bình	7	x	Tạp chí Hóa học (ISSN 0866-7144)			Tập 56, Số 3E12, Trang 10-14	7/2018
20	Estimation of suspended sediment concentration monitoring using VNREDSat – 1A multispectral data, a case study in Red River, Hanoi, Vietnam	7		Geography, Environment, Sustainability (ISSN 2071-9388 – Print; 2542-1565 – Online)	Scopus (IF = Q2)	7	Vol 11, Issues 3, pp. 49-60	9/2018
21	Nghiên cứu ảnh hưởng của hiện tượng nghịch nhiệt đến hàm lượng bụi PM2.5 trong môi trường không khí tại Hà Nội	4		Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Các Khoa học Trái đất và Môi trường (ISSN 2615-9279; e-ISSN 2588-1094)			Tập 34, Số 3, Trang 1-9	9/2018
22	Temperature inversion and air pollution relationship, and its effects on human health in Hanoi City, Vietnam	5		Environmental Geochemistry and Health (ISSN: 0269-4042 – Print; 1573-2983 - Online)	Scopus, SCIE (IF = 3.949, Q1)	31	Vol 41, Issues 2, pp 929-937	11/2018
23	Đánh giá sự tích lũy và rủi ro sinh thái một số kim loại nặng trong trầm tích mặt khu vực hạ lưu sông Đáy	5		Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Các Khoa học Trái đất và Môi trường (ISSN 2615-9279; e-ISSN 2588-1094)			Tập 34, Số 4, Trang 1-12	12/2018
24	The interactive effect of the season and estuary position on the	9		Environmental Science and Pollution	Scopus, SCIE (IF = 3.949, Q1)	10	Vol 26, Issues 11, pp	2/2019

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	concentration of persistent organic pollutants in water and sediment from the Cua Dai estuary in Vietnam			Research (ISSN: 0944-1344 – Print; 1614-7499 - Online)			10756-10766	
25	Đánh giá mức độ ô nhiễm, đặc trưng tích lũy và phơi nhiễm đối với các chất chống cháy Brom hữu cơ trong mẫu bụi lắng trong nhà và ngoài đường tại Hà Nội	8		Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học (ISSN 0868-3224)			Tập 20, số 4, Trang 8-13	6/2019
26	Phân tích và đánh giá hàm lượng các chất Polybrom diphenyl ete (PBDEs) trong trầm tích tại một số vùng ven biển miền trung, Việt Nam	7	x	Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học (ISSN 0868-3224)			Tập 24, số 4A, Trang 14-18	6/2019
27	Distributions and seasonal variations of organochlorine pesticides, polychlorinated biphenyls, and polybrominated diphenyl ethers in surface sediment from coastal areas of central Vietnam	9	x	Marine Pollution Bulletin (ISSN 0025-326X)	ISI (IF = 5.553, Q1)	21	Vol 144, pp. 28-35	7/2019
28	Nghiên cứu mức độ phân bố và tích lũy Polychlorinated bisphenyl (PCB) trong trầm tích mặt khu vực hạ lưu sông Đáy	3	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam (ISSN 1859-4794)			Tập 61, số 8, Trang 18-21	8/2019
29	Đánh giá mức độ tích lũy và rủi ro sinh thái của thuốc bảo vệ thực vật họ Clo hữu cơ trong trầm tích mặt khu vực ven biển tỉnh Quảng Bình	5		Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học (ISSN 0868-3224)			Tập 25, số 4, Trang 115-119	6/2020

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
30	Contamination status and temporal trends of persistent toxic substances in sediment cores from coastal areas of Vietnam	8	x	Marine Pollution Bulletin (ISSN 0025-326X)	ISI (IF = 5.553, Q1)		Vol 156, 111222	7/2020
31	Ecological Risk Assessment of Heavy Metals in Sediments of Duyen Hai Seaport Area in Tra Vinh Province, Vietnam	6	x	Water Air & Soil Pollution (ISSN / eISSN: 0049-6979 / 1573-2932)	Scopus, SCIE (IF = 2.574 Q2)	4	Vol 232, No 49	1/2021
32	Nghiên cứu sử dụng chỉ số chất lượng nước để đánh giá chất lượng nước mặt khu vực hạ lưu sông Hồng năm 2019	5	x	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn (ISSN 1859-4581)			Số 402+403, Trang 221-227	2/2021
33	Đánh giá tính chất hóa học của đất nông nghiệp tại một số huyện thuộc khu vực hạ lưu sông Hồng	3	x	Tạp chí Tài nguyên và Môi trường (ISSN 1859-1477)			số 9 (359)	5/2021
34	Field evaluation of diffusive gradients in thin-film passive samplers for wastewater-based epidemiology	11		Science of Total Environment (ISSN / eISSN: 0048-9697 / 1879-1026)	ISI, SCIE (IF = 7.963, Q1)	5	Vol 737, 145480	6/2021
35	Nghiên cứu đánh giá mức độ tích lũy một số hợp chất họ clo hữu cơ bền trong động vật thân mềm tại hạ lưu sông Hồng	3	x	Hóa học và ứng dụng (ISSN 1859-4069)			số 2 (57), Trang 43-46	6/2021
36	Rủi ro sức khỏe con người do ô nhiễm các dạng ion vô cơ của Nitơ trong nước dưới đất tại huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	4	x	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn (ISSN 1859-4581)			Vol 17, Số 416, 161-168	9/2021

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
37	Assessment of some water quality parameters in the Red River downstream, Vietnam by combining field monitoring and remote sensing method	7	x	Environmental Science and Pollution Research (ISSN: 0944-1344 – Print; 1614-7499 - Online)	Scopus, SCIE (IF = 3.949, Q1)		Vol 29, pp. 41992-42004	10/2021 (Issue Date: June 2022)
38	Impact of rice straw open burning on local air quality in the Mekong Delta of Vietnam	6		Atmospheric Pollution Research (ISSN / eISSN: 1309-1042)	ISI < SCIE, (IF = 4.352, Q1)		Vol 12, Issue 11, 101225	11/2021
39	Đánh giá chất lượng nước dưới đất tầng Holocen tại huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam sử dụng chỉ số chất lượng nước dưới đất (GWQI)		x	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Các Khoa học Trái đất và Môi trường (ISSN 2615-9279; e-ISSN 2588-1094)			Tập 38, Số 1, Trang 95-104	3/2022
40	Đánh giá hàm lượng rủi ro sinh thái của một số hợp chất clo hữu cơ khó phân hủy trong nước và trầm tích mặt sông Hồng đoạn chảy từ Hà Nội đến Nam Định		x	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ (ISSN 0866-8612)			Tập 38, Số 1, Trang 91-100	3/2022
41	Sự phân bố và rủi ro sức khỏe một số hợp chất Nitơ trong nước dưới đất tại khu vực huyện Thành Trì, thành phố Hà Nội		x	Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học, (ISSN 0868-3224)			Tập 27, số 1, Trang 88-95	6/2022
42	Xây dựng quy trình xác định Mycotoxin trong nước mặt	2		Tạp chí Tài nguyên và Môi trường (ISSN 1859-1477)			Số 11 (385), Trang 53-55	6/2022
43	Sự phân bố và nguồn gốc ô nhiễm của các dạng nitơ trong nước mặt sông hồng đoạn chảy từ phía Nam thành phố Hà Nội	4	x	Tạp Chí Môi trường (ISSN: 2615-9597/1859/042X)			Số chuyên đề II,	6/2022



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	đến huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định						Trang 57-63	

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 04 (27,30,31,37)

**7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố** (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận PGS/TS</b>						
1							
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận PGS/TS</b>						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

**7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích**

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

**7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế** (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:**

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Ngành Đảm bảo Chất lượng và An toàn thực phẩm	Tham gia	QĐ số 1864/QĐ-TĐHHN, ngày 03/6/2019	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	QĐ số 1322/QĐ-TĐHHN, ngày 15/4/2020	
2	Ngành Công nghệ kỹ thuật Môi trường	Tham gia	QĐ số 3479/QĐ-TĐHHN, ngày 18/9/2020	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	QĐ số 3006/QĐ-TĐHHN, ngày 28/7/2021	
3	Ngành Đảm bảo Chất lượng và An toàn thực phẩm	Tham gia	QĐ số 865/QĐ-TĐHHN, ngày 14/3/2022	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội		Đang thực hiện

**9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh  GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: .....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV  chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh  GS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: .....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03  CTKH ; 04  CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02  CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2022

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**TS. Trịnh Thị Thắm**